

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 24- 5 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Đức.

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Ngọc B, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Trần M, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã Th, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2021, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc B trình bày: Bà Lâm Thị Ngọc B và ông Trần M kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã

Tham Đôn, huyện M , tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn bà B và ông M chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, không hợp về lối sống. Ông M đã nhiều lần bỏ đi không quan tâm đến vợ con, nhưng vì con còn nhỏ nên bà B cố gắng duy trì hôn nhân, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020 thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Kể từ tháng 02 năm 2021 bà B và ông M không còn chung sống đến nay. Do đó, bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần M .

- Về con chung: Bà Lâm Thị Ngọc B và ông Trần M có 02 người con chung tên Trần Quốc M1, sinh ngày 19/02/2009 và Trần Minh Q , sinh ngày 10/11/2014. Con chung hiện nay đang sống với bà B. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung đến đủ 18 tuổi. Bà B không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần M : Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Trần M theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông M không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến B văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, bị đơn ông Trần M đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Ngọc B ; Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị Ngọc B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Trần Quốc M1, sinh ngày 19/02/2009 và Trần Minh Q , sinh ngày 10/11/2014 đến đủ 18 tuổi. Ông Trần M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị Ngọc B không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Trần M đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội Dung:

[2] Bà Lâm Thị Ngọc B và ông Trần M kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tham Đôn, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 144 ngày 01/10/2008. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị Ngọc B và ông Trần M là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông Trần M về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 10/TB-TLVA ngày 19/01/2022, nhưng ông M vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà B. Nay bà B kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông M, vì từ tháng 02 năm 2021 đến nay bà B và ông M không còn chung sống, không còn quan tâm nhau. Xét thấy, bà B và ông M không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Lâm Thị Ngọc B và ông Trần M không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lâm Thị Ngọc B.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lâm Thị Ngọc B và ông Trần M có 02 người con là Trần Quốc M1, sinh ngày 19/02/2009 và Trần Minh Q, sinh ngày 10/11/2014, hiện nay con chung đang sống với bà B. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được quyền nuôi con đến đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu Trần Quốc M1 và cháu Trần Minh Q đủ 07 tuổi trở lên nên Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của 02 người con chung. Tại các biên bản ghi lời khai cùng ngày 21/01/2022 cháu Trần Quốc M1 và Trần Minh Q trình bày: Khi cha và mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Xét nguyện vọng của cháu Minh và cháu Quốc là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho bà B được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung đến đủ 18 tuổi.

Ông Trần M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị Ngọc B không yêu cầu ông Trần M cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009844 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà B đã thực hiện xong.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc B được quyền ly hôn với ông Trần M .

- Về con chung: Giao cho bà Lâm Thị Ngọc B được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Trần Quốc M1, sinh ngày 19/02/2009 và Trần Minh Q , sinh ngày 10/11/2014 đến đủ 18 tuổi.

Ông Trần M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị Ngọc B không yêu cầu ông Trần M cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Lâm Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009844 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà B đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành

án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã Tham Đôn;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ